TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2026
V/v trAh chấp "Ly hôn"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhung.

2. Bà Nguyễn Thị LoA.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Sỹ Đăng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

- ***Đại D Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1***: Bà Nguyễn Thị ĐoA TrAg – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2025/TLST-HNGĐ, ngày 08/10/2025 về trAh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng L, sinh năm 1989 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, tỉnh V.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Mộng L trình bày:

Chị và Ah Nguyễn Minh D quen biết nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ bA nhân dân xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/9/2020.

Vợ chồng chung sống thời giA đầu hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quA điểm, không tìm được điểm chung trong lối sống, đã ly thân từ tháng 6 năm 2024. Đã tạo cơ hội cho nhau hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Đến nay, nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, không thể duy trì cuộc hôn nhân này nữa nên làm đơn này kính mong Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng L yêu cầu ly hôn với Ah Nguyễn Minh D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc A, sinh ngày 02/11/2020. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu Ah D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Minh D: Không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Mộng L xin vắng mặt. Ah Nguyễn Minh D vắng mặt.

Đại D Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều thực hiện đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng sự triệu tập của Toà án.

Về quA điểm giải quyết vụ án: Đại D Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quA điểm của Đại D Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền, quA hệ trAh chấp: Chị Nguyễn Thị Mộng L và Ah Nguyễn Minh D, hôn nhân có thực hiện đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn đúng qui định. Ngày 08/10/2025 chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Ah D, bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Thuận Bình, tỉnh Đồng Tháp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quA hệ trAh chấp trong vụ án là trAh chấp "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

[1.2] Sự có mặt của đương sự: Bị đơn Nguyễn Minh D đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt xét xử. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về chứng cứ chứng minh: Xét thấy, Ah Nguyễn Minh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, nhưng không có ý kiến gì về các chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng L. Nên căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quA chuyên môn, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Tòa án căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, các chứng cứ Tòa án thu thập và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

[3] Về quA hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng L và Ah Nguyễn Minh D, hôn nhân có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Uỷ bA nhân dân xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 04/09/2020. Hội đồng xét xử xác định, hôn nhân giữa chị L và Ah D là hôn nhân hợp pháp. Nay chị L yêu cầu ly hôn với Ah D vì cho rằng vợ chồng bất đồng quA điểm sống, thường xuyên

cãi vã, không còn tiếng nói chung. Xét thấy, chị L xin vắng mặt xét xử và đến thời điểm Tòa xét xử thì chị L cũng không có văn bản xin rút yêu cầu khởi kiện, cho thấy chị L đã kiên quyết ly hôn với Ah D. Ngoài ra, từ khi chị L khởi kiện ly hôn đến nay, phía Ah D cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với chị L, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân giữa chị L và Ah D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Chị L trình bày, trong thời kỳ hôn nhân, chị **L** và Ah **D** có 01 con chung tên Nguyễn Phúc A, sinh ngày 02/11/2020. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu Ah D cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, từ khi chị L và Ah D ly thân với nhau thì cháu A được chị L chăm sóc, nay chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, Ah D không có ý kiến phản đối nguyện vọng được nuôi con của chị L và không trAh chấp quyền nuôi con. Tại biên bản xác minh ngày 21/11/2025, Uỷ bA nhân dân xã Tân Thuận Bình cung cấp: do chị L và Ah D không yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết về mâu thuẫn vợ chồng nên nay Ah chị ly hôn, địa phương không biết được điều kiện nuôi con chung giữa Ah chị. Hội đồng xét xử thấy rằng, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung, cần tiếp tục giao cháu A cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được. Về yêu cầu cấp dưỡng, Ah D là người không trực tiếp nuôi con, nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của Đại D viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng L.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng L được ly hôn với Ah Nguyễn Minh D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc A, sinh ngày 02/11/2020, cho chị Nguyễn Thị Mộng L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và lao động được. Ah Nguyễn Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quA, tổ chức được

quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003856 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên được cấn trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mộng L, Ah Nguyễn Minh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Thuận Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.08

TAND KHU VỰC 1

2YW230126.TL.QDBA
234

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Sắc Ly

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án. (8b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Sắc Ly

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

s

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án. (10b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Sắc Ly